

Số: ~~945~~/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục dự án khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, dự án có sử dụng đất thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2019, đợt 3

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 về quản lý đầu tư phát triển đô thị; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư 2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý, đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý, đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 553/TTr-SKHĐT ngày 19 tháng 3 năm 2019 và Tờ trình số 736/TTr-SKHĐT ngày 05 tháng 4 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dự án khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, dự án có sử dụng đất thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2019, đợt 3.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)



Điều 2. UBND các huyện, thành phố có tên tại Điều 1 căn cứ danh mục các dự án đã ban hành, tổ chức thực hiện các thủ tục phê duyệt quy hoạch, phê duyệt danh mục dự án sử dụng đất, lập phương án sơ bộ bồi thường, giải phóng mặt bằng, phương án tài chính...; lập hồ sơ mời sơ tuyển trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, báo cáo UBND tỉnh, Tỉnh ủy theo quy chế làm việc trước khi tổ chức các bước lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.

Điều 3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai công bố danh mục dự án phục vụ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan chủ động hướng dẫn UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện các bước tiếp theo và tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVPUB: Đ/c Hải, Đ/c Trường;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, QHXD, TH.

pth/th3/198

13

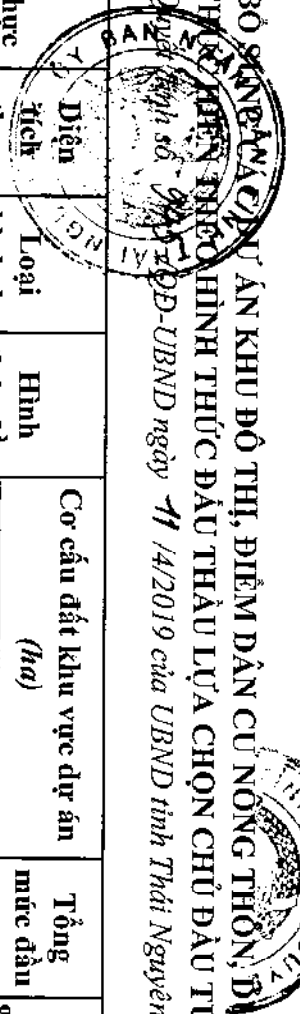
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Bắc

**DANH MỤC BỒ SANG ANA CHỨNG AN KHU ĐÔ THỊ, ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN, DỰ ÁN
CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TƯ NHÂN TRONG HÌNH THỨC ĐẦU THẦU LỰA CHỌN CHỦ ĐẦU TƯ NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 11/14/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Loại hình dự án	Hình thức đầu tư	Cơ cấu đất khu vực dự án (ha)			Tổng đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án	Thời gian tổ chức lựa chọn NĐT (nếu có)	Các thông tin khác (nếu có)
						Đất lúa	Đất thổ cư	Các đất khác				
1	KHU ĐÔ THỊ											
1	Khu đô thị Kim Thái	Phường Hàng, thị xã Phố Yên	9,64	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN	8,52	0,07	1,05	194	2019-2021		
2	Khu đô thị số 11, phường Gia Sàng	Phường Sàng, thành phố Thái nguyên	19,63	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN	8	5,2	6,43	350	36 tháng	2019	
3	Khu đô thị Thành Nam	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	34,6	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN				424,47	36 tháng	2019	
4	Khu đô thị Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	46	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN				565	36 tháng	2019	
5	Khu đô thị Thái Sơn	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	49	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN				600	36 tháng	2019	
6	Khu đô thị và dịch vụ tiện ích Sông Công 2 (Khu A)	Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công	45	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN				715,32	2019-2022	2019	
7	Khu đô thị và dịch vụ tiện ích Sông Công 2 (Khu B)	Phường Lương Sơn, phường Bách Quang,	44,5	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN				707,37	2019-2022	2019	

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Loại hình dự án	Hình thức đầu tư	Cơ cấu đất khu vực dự án (ha)			Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án	Thời gian tổ chức lựa chọn NDT (nếu có)	Các thông tin khác (nếu có)
						Đất lúa	Đất thổ cư	Các đất khác				
8	Khu đô thị - Tái định cư Đá Thiên 1	Thị trấn Trại Cau, huyện Đông Hồ, tỉnh Bắc Ninh	6	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN	4,5	0,5	1	78	2019-2020	2019	
9	Khu đô thị - Tái định cư Đá Thiên 2	Thị trấn Trại Cau, huyện Đông Hồ, tỉnh Bắc Ninh	6	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN	4,7	0,2	1,1	78	2019-2020	2019	
10	Khu đô thị 1C, thị trấn Hùng Sơn	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Bắc Ninh	9,58	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN	9,1	0,42	0,06	207,279	2019-2024		
11	Khu đô thị 1D, thị trấn Hùng Sơn	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Bắc Ninh	10,596	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN	8,69	0,7	1,2	253,517	2019-2024		
12	Khu đô thị Đồng Khốc (cải tạo, chỉnh trang), thị trấn Hùng Sơn	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Bắc Ninh	3,5	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN	2,18	0,3	1,02	60	2019-2024		
13	Khu đô thị số 1, xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên	19,8	Khu đô thị	Vốn ngoài NSNN				300	36 tháng	2019	
II	ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN											
1	Điểm dân cư nông thôn xã Đắc Sơn	Xóm Tuấn, xóm Chiềng, xóm Dương, xã Đắc Sơn, thị xã Phả Yên	15,82	Điểm dân cư nông thôn	Vốn ngoài NSNN	9,62	1,09	5,11	334,927	2019-2021		
2	Điểm dân cư nông thôn xã Tân Quang	Xã Tân Quang, thành phố Sông Công	2,92	Điểm dân cư nông thôn	Vốn ngoài NSNN				39,8	2019-2021	2019	

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Hình thức đầu tư	Cơ cấu đất khu vực dự án (ha)			mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án	Thời gian tổ chức lựa chọn NĐT (nếu có)	Các thông tin khác (nếu có)
				Đất lúa	Đất thổ cư	Các đất khác				
3	Điểm dân cư nông thôn xóm Văn Hữu, xã Hòa Thượng	Xóm Văn Hữu, xã Hòa Thượng, huyện Đông Hy	Vốn ngoài NSNN	12,63	0,92	1,45	195	2019-2020	2019	
4	Điểm dân cư nông thôn xóm Gò Cao 1, xã Hòa Thượng	Xóm Gò Cao 1, xã Hòa Thượng, huyện Đông Hy	Vốn ngoài NSNN	4,3	0,72	0,68	74,1	2019-2020	2019	
5	Điểm dân cư nông thôn xóm Áp Thái, xã Hòa Thượng	Xóm Áp Thái, xã Hòa Thượng, huyện Đông Hy	Vốn ngoài NSNN	12,04	0,28	0,48	166,4	2019-2020	2019	
6	Điểm dân cư nông thôn xóm Na Long, xã Hòa Thượng	Xóm Na Long, xã Hòa Thượng, huyện Đông Hy	Vốn ngoài NSNN	12,85	0,11	2,04	195	2019-2020	2019	
7	Điểm dân cư nông thôn xóm Làng Mới, xã Tân Long	Xóm Làng Mới, xã Tân Long, huyện Đông Hy	Vốn ngoài NSNN	0,36		1,7	27	2019-2020	2019	
8	Điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Hòa Bình	Xã Hòa Bình, huyện Đông Hy	Vốn ngoài NSNN	1,8	0,5	0,9	41	2019-2020	2019	
9	Điểm dân cư nông thôn xóm Bình 2, xã Điểm Thủy	Xã Điểm Thủy, huyện Phú Bình	Vốn ngoài NSNN	7	0,5	0,5	54	2019-2021	Năm 2019	Đang tổ chức lập quy hoạch chi tiết 1/500
10	Điểm dân cư nông thôn sinh thái Hồ Thỏ Hồng	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	Vốn ngoài NSNN	0,21	0,017	19,47	316,176	2019-2024		
11	Điểm dân cư nông thôn xóm Đám Rùm	Xã Ôn Lương, huyện Lương	Vốn ngoài NSNN	0,235			3	2019		
12	Điểm dân cư nông thôn Chợ Trào	Xã Yên Đỗ, huyện Lương	Vốn ngoài NSNN	0,35		0,15	10	2019		



STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Loại hình dự án	Hình thức đầu tư	Cơ cấu đất khu vực dự án (ha)			Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án	Thời gian tổ chức lựa chọn NĐT (nếu có)	Các thông tin khác (nếu có)
						Đất lúa	Đất thổ cư	Các đất khác				
13	Điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Vô Tranh	Xã Vô Tranh, huyện Lương	2,1	Điểm dân cư nông thôn	Vốn ngoài NSNN	2,1			15	2019		
III	KHU NHÀ Ở											
1	Khu nhà ở Bạch Quang, thành phố Sông Công	Phường Bạch Quang, thành phố Sông Công	17,9	Khu nhà ở	Vốn ngoài NSNN	9,7	3,4	4,8	344,5	2019-2020	2019	
2	Khu nhà ở xã hội cho cán bộ, công nhân viên chức, người có công, người lao động trong và ngoài khu công nghiệp	Xóm Đình, xóm Ao Sen, xóm Bắc, xóm Phong Niên, xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên	9,5	Khu nhà ở	Vốn ngoài NSNN	9		0,5	941,9	2019-2026		